

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HSST

Ngày: 23-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH TỈNH CAO BẰNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đàn Tụ

2. Ông Ma Thanh Khỏe

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2017/HSST ngày 03/7/2017 đối với bị cáo:

Đinh Thị G; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 27/10/1975 tại xã Q, huyện E, tỉnh Bắc Kạn

Nơi ĐK HKTT: Thôn 2, xã R, huyện E, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Đinh Quang B; Sinh năm: 1939 (đã chết);

Con bà: Lê Thị D; Sinh năm: 1940; Nghề nghiệp: Công nhân nghỉ chế độ mất sức.

Nơi ĐK HKTT: Thôn 2, xã R, huyện E, tỉnh Bắc Kạn.

Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Chồng: Triệu Văn H; Sinh năm: 1973; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Trú tại: Thôn 2, xã R, huyện E, tỉnh Bắc Kạn.

Con: Bị cáo 01 con sinh năm 1996.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị G: Bà Hà Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 25 Trung tâm Thương mại I – Số 37 O, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Stephen James C, Quốc tịch: Anh, hộ chiếu số 534568060 do cơ quan Ngoại giao Vương quốc Anh cấp ngày 14/4/2016.

Ông Stephen James C vắng mặt ủy quyền hợp pháp cho bà: Trịnh Nhật Thương T – Chuyên viên pháp lý – Phòng pháp lý Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm U Việt Nam. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

- Ông Trần Văn B; Sinh năm: 1960

Trú tại: xóm A, xã S, huyện D, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa, Ủy quyền cho bà Vũ Thị H – Sinh năm 1961, Trú tại: Xóm A, xã S, huyện D, tỉnh Thái Nguyên. Bà H có mặt tại phiên tòa.

- Chị Lương Thị Kim C; Sinh năm: 1988

Trú tại: Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa, Ủy quyền cho bà Lục Thị H; Sinh năm: 1960

Trú tại: Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Nông Thị Hồng D; sinh năm: 1985.

Trú tại: Tổ 10 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Chị Mã Thị Kim L; Sinh năm: 1976

Trú tại: Tổ 17 phường G, thành phố M, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Hoàng Thị T; Sinh năm: 1972

Trú tại: Tổ 3 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1968

Nơi ĐK HKTT: Tổ 2 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H - Bộ Công an. Vắng mặt tại phiên tòa, Ủy quyền cho bà Ngô Thị Đ; Sinh năm: 1941

Trú tại: Tổ 17 phường G, thành phố M, tỉnh Cao Bằng. Bà Đ có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Đ; Sinh năm: 1941

Trú tại: Tổ 17 phường G, thành phố M, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa

- Bà Lục Thị H; Sinh năm: 1960

Trú tại: Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1958

Trú tại: Tổ 10 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Anh Triệu Văn H; Sinh năm: 1973

Trú tại: thôn 2, xã R, huyện E, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Chị Trần Thị H; Sinh năm: 1970

Trú tại: Tổ 22 phường K, thành phố L, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Nguyễn Xuân L; Sinh năm: 1970

Nơi ĐK HKTT: xóm 13, xã X, huyện D, tỉnh Thái Nguyên

Trú tại: Tổ 5 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Hoàng Thị H; Sinh năm: 1973

Nơi ĐK HKTT: Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng

Trú tại: Tổ 4 phường K, thành phố L, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đinh Thị G bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2006 Đinh Thị G sinh năm 1975, trú tại Thôn 2, xã R, huyện E, tỉnh Bắc Kạn ký hợp đồng làm Đại lý với Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam. Đại lý có trách nhiệm tư vấn và ký hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với khách hàng, thu các kỳ phí bảo hiểm hàng năm với khách hàng dưới sự ủy quyền của Công ty bảo hiểm U, được hưởng tiền hoa hồng từ số tiền phí bảo hiểm thu được từ khách hàng mới ký hợp đồng bảo hiểm và các khách hàng đóng phí bảo hiểm hàng năm, có trách nhiệm nộp tiền phí bảo hiểm đã thu của khách hàng về cho Công ty theo quy định của Công ty trong thời hạn 01 ngày. Năm 2008, Đinh Thị G ký hợp đồng bổ sung với Công ty bảo hiểm U và trở thành trưởng nhóm kinh doanh, có trách nhiệm kiểm soát hoạt động tư vấn bảo hiểm và phục vụ khách hàng của các thành viên trong nhóm kinh doanh.

Thời gian làm đại lý cho Công ty bảo hiểm U từ năm 2012 đến năm 2015, Đinh Thị G trực tiếp tư vấn và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cho bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1941, trú tại Tổ 17 phường G, thành phố M gồm 02 (hai) hợp đồng bảo hiểm do chị Mã Thị Kim L là con dâu bà Đ đứng tên. Đinh Thị G cùng chồng là Triệu Văn H tư vấn cho bà Ngô Thị Đ ký 02 (hai) hợp đồng bảo hiểm nhân thọ do anh Nguyễn Văn T là con trai bà Đ và chị Hoàng Thị T là con dâu bà Đ đứng tên. Hai hợp đồng bảo hiểm này do đại lý Triệu Văn H ký. Các hợp đồng bảo hiểm đã cung cấp cho bà Ngô Thị Đ đều do Đinh Thị G trực tiếp chăm sóc, thu phí bảo hiểm hàng năm, bà Ngô Thị Đ là người trực tiếp nộp phí bảo hiểm cho Đinh Thị G. Đinh Thị G cùng chồng là Triệu Văn H tư vấn và ký hợp đồng bảo hiểm với chị Nông Thị Hồng D, sinh năm 1985, trú tại Tổ 10 thị trấn T, Đinh Thị G cùng đại lý trong nhóm kinh doanh là Nguyễn Xuân L tư vấn và ký hợp đồng với ông Trần Văn B, sinh năm 1960, trú tại xóm A, xã S, huyện D, tỉnh Thái Nguyên, năm 2010 Đinh Thị G tư vấn cho bà Lục Thị H sinh năm 1960, trú tại Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng phục hồi lại hợp đồng bảo hiểm của bà H với Công ty bảo hiểm U đã hết hiệu lực (Hợp đồng này bà H mua cho con gái là Lương Thị Kim C đứng tên). Sau khi phục hồi lại hợp đồng bảo hiểm, Công ty bảo hiểm U giao cho Đinh Thị G chăm sóc và thu các kỳ phí đối với khách hàng này.

Trong quá trình đi thu phí bảo hiểm với khách hàng, ngày 05 tháng 5 năm 2012 G đến nhà ông Trần Văn B thu phí bảo hiểm năm 2012 số tiền 4.503.900đ. Sau khi thu được tiền, bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân, không nộp về cho Công ty.

Ngày 13 tháng 9 năm 2012 Đinh Thị G đến thu kỳ phí bảo hiểm năm 2012 với bà Ngô Thị Đ (đối với 01 hợp đồng do chị Mã Thị Kim L đứng tên) thu số tiền 19.794.000đ để nộp về cho Công ty. Tuy nhiên, sau khi thu được tiền Đinh Thị G sử dụng vào mục đích cá nhân, không nộp cho Công ty.

Ngày 31 tháng 10 năm 2013, Đinh Thị G thu kỳ phí bảo hiểm năm 2013 của khách hàng Lương Thị Kim C với bà Lục Thị H số tiền là 3.513.200đ để nộp về tài khoản Công ty. Sau khi thu được tiền, bị cáo sử dụng số tiền trên để tiêu dùng cá nhân, không nộp về Công ty.

Bị cáo G thu kỳ phí bảo hiểm năm 2013 (từ ngày 30/9/2013 đến 30/11/2013) với bà Ngô Thị Đ đối với 02 hợp đồng bảo hiểm do chị Mã Thị Kim L đứng tên số tiền là 19.794.000đ để nộp về cho Công ty. Sau khi thu được tiền, bị cáo sử dụng số tiền trên để tiêu dùng cá nhân, không nộp về Công ty.

Ngày 28 tháng 02 năm 2014, Đinh Thị G thu kỳ phí bảo hiểm từ ngày 26/12/2013 đến ngày 28/02/2014 với bà Ngô Thị Đ đối với hợp đồng bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000đ. Sau khi thu được tiền, bị cáo sử dụng cho cá nhân, không nộp về Công ty.

Ngày 17 tháng 7 năm 2014, Đinh Thị G đến thu kỳ phí bảo hiểm năm 2014 với bà Ngô Thị Đ (đối với 02 hợp đồng bảo hiểm do chị Mã Thị Kim L đứng tên) thu số tiền 19.794.000đ để nộp về cho Công ty. Sau khi thu được tiền, bị cáo không nộp về Công ty mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Đinh Thị G thu kỳ phí bảo hiểm của khách hàng Nông Thị Hồng D số tiền 10.784.000đ. Sau khi thu được tiền bị cáo không nộp tiền về Công ty mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Ngày 14 tháng 9 năm 2014 Đinh Thị G thu kỳ phí bảo hiểm từ ngày 15/8/2014 đến ngày 14/9/2014 với bà Ngô Thị Đ đối với hợp đồng bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000đ. Sau khi thu được tiền bị cáo sử dụng tiêu dùng hết không nộp về cho Công ty.

Ngày 18 tháng 3 năm 2015 Đinh Thị G thu phí bảo hiểm với bà Ngô Thị Đ đối với hợp đồng bảo hiểm do chị Hoàng Thị T đứng tên khách hàng số tiền 15.427.000đ. Sau khi thu được tiền, bị cáo sử dụng hết, không nộp về cho Công ty.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các khách hàng trên là 113.610.100đ (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm mười nghìn một trăm đồng*).

Sau khi nhận được thông báo của Công ty bảo hiểm U về việc chưa đóng các kỳ phí bảo hiểm, các khách hàng trên đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm của Đinh Thị G đến Công ty bảo hiểm U, giao nộp các phiếu thu phí cho Công ty bảo hiểm. Công ty bảo hiểm U tạo điều kiện về thời gian cho Đinh Thị G hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của các khách hàng nhưng bị cáo không có khả năng hoàn trả. Nên Công ty bảo hiểm U đã tố cáo hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Đinh Thị G đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Ngày 23 tháng 6 năm 2015, Công ty bảo hiểm U đã chấm dứt hợp đồng đại lý với Đinh Thị G.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận: Khi làm Trưởng nhóm kinh doanh tại Công ty bảo hiểm U, mỗi đại lý bảo hiểm trong nhóm được Công ty bảo hiểm U cấp phiếu thu phí bảo hiểm riêng, nhưng các đại lý trong nhóm vẫn thường xuyên mượn phiếu thu phí của nhau, việc mượn phiếu thu phí không nằm trong quy định của Công ty tuy nhiên số tiền thu được từ các phiếu thu này vẫn được Công ty chấp nhận. Một số thời điểm hết phiếu thu, bị cáo có được mượn, sử dụng phiếu thu bảo hiểm của các đại lý khác trong nhóm như: Triệu Văn H, Nguyễn Xuân L, Hoàng Thị H, Trần Thị H để thu phí của khách hàng nhưng không nộp về cho công ty. Thời điểm năm 2012, 2013 do thu nhập từ kinh doanh bảo hiểm không đảm bảo, đời sống khó khăn, thiếu thốn nên bị cáo đã chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm kỳ 2012, 2013 của các khách hàng Trần Văn B, Lương Thị Kim C, Mã Thị Kim L số tiền 47.605.100 đồng. Năm 2013 Đinh Thị G cùng Nguyễn Xuân L cùng nhau vào địa bàn huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuê công nhân khai thác khoáng sản trái phép. Đến ngày 13/12/2013 thì xảy ra tai nạn lao động làm chết 01 người, bị cáo và anh L phải chi phí mai táng và bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền hơn

200.000.000đ nên bị cáo rơi vào cảnh nợ nần. Trong năm 2014, 2015 bị cáo chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm của khách hàng số tiền 66.005.000đ để trả nợ.

Quá trình điều tra làm rõ việc bị cáo chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm anh Nguyễn Xuân L không biết. Sau khi giải quyết xong vụ tai nạn, anh L mới biết G đi vay mượn và chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm của khách hàng để khắc phục hậu quả vụ việc. Những người cho bị cáo mượn phiếu thu bảo hiểm như Nguyễn Xuân L, Triệu Văn H, Hoàng Thị H, Trần Thị H trước đó đã nhiều lần cho bị cáo G mượn phiếu thu phí bảo hiểm để thu phí của khách hàng nộp về Công ty, họ không biết việc bị cáo chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm của khách hàng. Đối với phiếu thu phí của khách hàng Lương Thị Kim C, Trần Văn B, Hoàng Thị T có dấu hiệu bị sửa chữa ngày, tháng, năm thu phí. Bị cáo khai nhận do đã đến kỳ thu phí của khách hàng, không có phiếu thu nên bị cáo sử dụng phiếu thu cũ sửa chữa ngày tháng năm thu phí để thu phí của khách hàng mục đích nộp cho Công ty đúng quy định. Trước khi thu phí bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền phí bảo hiểm. Sau khi thu được tiền bị cáo mới có ý định sử dụng tiền cho mục đích cá nhân.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo của khách hàng, Công ty bảo hiểm U đã liên đới hoàn trả số tiền phí bảo hiểm của khách hàng Mã Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nông Thị Hồng D với tổng số tiền cả gốc và lãi là 117.801.541đ. Đối với số tiền phí bảo hiểm của các khách hàng Trần Văn B, Lương Thị Kim C, Hoàng Thị T do chứng từ không hợp lệ nên Công ty bảo hiểm U từ chối giải quyết hoàn trả cho khách hàng. Công ty U đã khấu trừ số tiền 359.959đ trong tài khoản của Đinh Thị G.

Quá trình điều tra vụ án, chị Nông Thị Hồng D tố cáo bị cáo Đinh Thị G ngoài chiếm đoạt số tiền phí bảo hiểm năm 2014, bị cáo còn chiếm đoạt tiền phí của năm 2015 số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận, quá trình điều tra, truy tố không có chứng từ chứng minh việc thu phí của bị cáo nên không có căn cứ để truy cứu hành vi chiếm đoạt khoản tiền này. Tại phiên tòa chị D có đơn xin vắng mặt, có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với lý do đã nhận đủ bồi thường cả hai khoản tiền của năm 2014, 2015, nay chị không có yêu cầu gì thêm.

Ông Trần Văn B tố cáo Đinh Thị G chiếm đoạt 03 kỳ phí bảo hiểm năm 2012, 2013, 2014 tổng số tiền 13.507.600đ. Tuy nhiên ông B chỉ cung cấp được phiếu thu bảo hiểm năm 2012, không cung cấp được chứng từ chứng minh các kỳ phí còn lại.

Ngày 08 tháng 6 năm 2017 bị cáo Đinh Thị G đã khắc phục hoàn trả số tiền 60.000.000đ cho Công ty bảo hiểm U, ngày 23/8/2017 bị cáo tiếp tục chuyển 40.000.000đ cho Công ty bảo hiểm U để khắc phục hậu quả nâng tổng số tiền khắc phục hậu quả với Công ty U lên tổng số tiền 100.359.959đ.

Tại bản Cáo trạng số: 08/KSĐT - TA ngày 01/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng đã truy tố Đinh Thị G về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đinh Thị G bổ sung truy tố 10.000.000đ số tiền chiếm đoạt của chị Nông Thị Hồng D, nâng tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt trong vụ án lên 123.610.100đ và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, đề nghị áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự xử lý bồi thường cho Nguyên đơn dân sự Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam số tiền 17.801.541đ. Bồi thường cho những người bị hại: Lương Thị Kim C, Trần Văn B, Hoàng Thị T đối với những phiếu thu không hợp lệ không được công ty bảo hiểm chi trả.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, những người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị G hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội và xác định nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình đã phản ánh và truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian từ ngày 16/3/2006 đến ngày 23/6/2015 bị cáo ký hợp đồng nhận làm đại lý với công ty bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam, có nhiệm vụ đi tư vấn cho khách hàng, thay mặt công ty bảo hiểm U ký các hợp đồng tham gia bảo hiểm, thu phí bảo hiểm của các khách hàng sau đó nộp số tiền phí bảo hiểm của các khách hàng về cho công ty bảo hiểm, chăm sóc các khách hàng đã tham gia mua bảo hiểm. Thời gian đầu tham gia làm đại lý bảo hiểm cho Công ty bảo hiểm U, bị cáo thực hiện đúng theo quy định của Công ty bảo hiểm U, đến đầu năm 2013 Bị cáo cùng Nguyễn Xuân L vào Lâm Đồng khai thác khoáng sản gặp rủi ro sạt lở đất làm chết một người lao động, do đó cần tiền để lo chi phí đưa người bị chết về quê mai táng, do khó khăn về tài chính nên khi thu được tiền bảo hiểm của các khách hàng bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân, không có khả năng trả lại cho công ty. Bị cáo thừa nhận từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2015 bị cáo được thu tiền bảo hiểm của ông Trần Văn B, bà Ngô Thị Đ (bà Đ đóng bảo hiểm cho các con đứng tên trên hợp đồng là: Mã Thị Kim L, Nguyễn Văn T và Hoàng Thị T), của bà Lục Thị H (Bà H mua bảo hiểm để phục hồi hợp đồng bảo hiểm con gái Lương Thị Kim C đứng tên đã mua trước đó với người khác) và chị Nông Thị Hồng D với tổng số tiền là 113.610.100đ (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm mười nghìn một trăm đồng*). Sau khi thu được tiền phí đóng bảo hiểm của những người trên bị cáo đã không nộp về công ty mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân, tại quá trình điều tra bị cáo khai không được thu phí bảo hiểm của ông B năm 2013 và năm 2014, bị cáo cũng không thừa nhận việc có thu phí bảo hiểm của chị Nông Thị Hồng D 10.000.000đ kỳ phí bảo hiểm năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo thay đổi lời khai với khoản phí 10.000.000đ thu kỳ phí 2015 của chị Nông Thị Hồng D, thời điểm đó hai bên có quan hệ vay nợ, bị cáo có nợ chị D một số tiền và đã nhận sẽ nộp thay kỳ phí bảo hiểm của năm 2015 cho chị D, nhưng sau đó bị cáo đã không nộp.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa người được Đại diện hợp pháp của Công ty U ủy quyền thay mặt khai: Công ty bảo hiểm U có ký hợp đồng với Đinh Thị G làm đại lý bảo hiểm từ năm 2006, đến năm 2008 thì Đinh Thị G được chỉ định làm trưởng nhóm kinh doanh, thời gian đầu G thực hiện

đúng và đầy đủ những quy định của hợp đồng đại lý, sau khi nhận được nhiều đơn thư khiếu nại của nhiều khách hàng tham gia mua bảo hiểm với Công ty, do G là người bán và trực tiếp chăm sóc, thu phí định kỳ hàng năm khiếu nại việc G thu phí bảo hiểm nhưng không chuyển về Công ty theo quy định làm mất quyền lợi của người mua, nên năm 2015 Công ty đã chấm dứt hợp đồng làm đại lý với G, đồng thời tiến hành chi trả và bồi hoàn cho những người bị hại, tổng số tiền Công ty đã chi trả, phục hồi hợp đồng cho những hợp đồng bị G chiếm dụng cả gốc và lãi là 117.801.541đ. Đại diện Công ty cũng xác nhận Đinh Thị G đã hoàn trả lại cho Công ty 100.000.000đ và tiếp tục yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn lại cho Công ty bảo hiểm U Việt Nam và bồi thường cho một số người bị hại khác do phiếu thu không hợp lệ phía Công ty bảo hiểm đã từ chối chi trả. Đại diện Công ty còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa Người có quyền lợi liên quan, đồng thời là người được người bị hại Nguyễn Văn T ủy quyền tham gia tố tụng, bà Ngô Thị Đ khai: Bà là người trực tiếp mua 04 hợp đồng bảo hiểm và đóng các kỳ phí bảo hiểm của công ty bảo hiểm U Việt Nam với đại lý Đinh Thị G cho các con bà là chị Mã Thị Kim L, anh Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị T, trong bốn hợp đồng đó bà ký 02 hợp đồng bảo hiểm cho chị Mã Thị Kim L, chị T, anh T mỗi người ký một hợp đồng, từ năm 2012 đến năm 2015 tổng số tiền bà nộp cho G là 94.809.000đ, G đã chiếm đoạt số tiền trên không nộp về Công ty, bà đã được Công ty bảo hiểm U Việt Nam thanh toán cả gốc và lãi của ba hợp đồng (02 hợp đồng của Mã Thị Kim L và 01 Nguyễn Văn T), Phiếu thu kỳ bảo hiểm 2015 của chị Hoàng Thị T không được Công ty bảo hiểm thanh toán với lý do bị sửa chữa, không hợp lệ, tại tòa hôm nay bà yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền: 15.427.000đ cho chị T và đề nghị Tòa án giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người bị hại Mã Thị Kim L, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn T đều khai, việc tham gia mua bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam việc được đứng tên trên các hợp đồng bảo hiểm đều là do bà Ngô Thị Đ mua cho, bà Đ cũng là người đóng tiền phí hàng năm cho các hợp đồng đó, chị T đề nghị bị cáo hoàn trả lại số tiền bị cáo đã chiếm dụng, chị L

xác nhận Công ty bảo hiểm đã hoàn trả những khoản tiền mà bị cáo đã chiếm dụng cho những hợp đồng chị đứng tên, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi liên quan đồng thời là người được người bị hại Lương Thị Kim C ủy quyền tham gia tố tụng bà Lục Thị H khai: Bà là người trực tiếp được Đinh Thị G tư vấn phục hồi hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm bà đã mua cho con gái bà là Lương Thị Kim C trước đó, năm 2013 bà đã đóng kỳ phí bảo hiểm cho G số tiền là 3.513.200đ, G đã chiếm đoạt số tiền này, nay bà đề nghị Công ty bảo hiểm và bị cáo, trả lại số tiền trên cho con bà đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại Trần Văn B vắng mặt ủy quyền cho vợ là Bà Vũ Thị H bà H khai: Chồng bà mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của Công ty U Việt Nam với đại lý Đinh Thị G và đã đóng 03 kỳ phí của năm 2012, 2013, 2014 cho G nhưng G đã không nộp tiền về Công ty và chiếm đoạt sử dụng riêng, quá trình điều tra ông B cung cấp được phiếu thu kỳ đóng bảo hiểm của năm 2012 số tiền 4.503.900đ, đối với hai kỳ sau của năm 2013, 2014 ông B không cung cấp được cho cơ quan điều tra, tại phiên tòa bà H cũng không cung cấp được căn cứ chứng minh cho hai kỳ phí thu của năm 2013, 2014 do đó không có căn cứ đề chấp nhận yêu cầu của ông B, tại phiên tòa bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại quá trình điều tra người bị hại Nông Thị Hồng D khai: Chị được trực tiếp ký hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với Công ty bảo hiểm U Việt Nam với đại lý Đinh Thị G từ năm 2011 thời hạn hợp đồng 15 năm, chị đã nộp các kỳ phí của những năm 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015 cho Đinh Thị G, G đã chiếm đoạt số tiền của hai kỳ phí năm 2014 và năm 2015 không nộp về Công ty, chị cung cấp được cho Cơ quan điều tra phiếu thu của năm 2014, chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với lý do chị đã nhận được toàn bộ các khoản bồi thường của bị cáo (hai kỳ phí của năm 2014 và 2015), nay chị không có yêu cầu gì thêm.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng cùng những chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của nhiều người, của tổ chức, cá nhân, quyền được pháp luật bảo vệ, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án.

Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức xã hội và am hiểu pháp luật, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện E đưa ra xét xử, xử phạt bị cáo 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự số 16/2006/HSST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Bắc Kạn đến nay bị cáo đã được xóa án tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục được phần lớn hậu quả, tại phiên tòa những người bị hại, nguyên đơn dân sự, và những người có quyền lợi liên quan có đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, người bị hại vắng mặt có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có bố mẹ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương cao quý, do đó khi lượng hình cũng cần cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phần lớn hậu quả của tội phạm đã được khắc phục, mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo ở mức tội phạm ít nghiêm trọng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng là phù hợp với tội trạng của bị cáo, cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình phát biểu quan điểm, giữ nguyên kết luận của Cáo trạng và bổ sung truy tố đối với bị cáo phần tiền phí bảo hiểm năm 2015 bị cáo đã chiếm đoạt của chị Nông Thị D, số tiền 10.000.000đ nâng tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án là: 123.610.100đ và đề nghị áp dụng tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự là có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bà Hà Thị H trình bày luận cứ bào chữa với nội dung đề nghị hội đồng xét xử, xét đến điều kiện phạm tội của bị cáo, do hoàn cảnh làm ăn, từ năm 2006 bị cáo đã là đại lý bán bảo hiểm nhân thọ cho Công ty U Việt Nam, được tín nhiệm ký kết hợp đồng bổ sung nhiệm vụ trưởng nhóm kinh doanh vào năm 2008, đến cuối năm 2012 bị cáo mới phạm tội, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải, có ý thức khắc phục hậu quả, thực tế đã khắc phục gần hết hậu quả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm U Việt Nam, khắc phục hết hậu quả cho bị hại Nông Thị Hồng D, có bố mẹ là người có công với nhà nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương cao quý, mặc dù hồ sơ không phản ánh nhưng được thể hiện trong bản án trước (tại bút lục số 27), đồng thời Đại diện Nguyên đơn dân sự, những người bị hại, những người có quyền lợi liên quan có đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo, người bào chữa nhất trí với kết luận và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Đối với Triệu Văn H, Nguyễn Xuân L, Hoàng Thị H, Trần Thị H là các đại lý trong nhóm bán bảo hiểm nhân thọ cùng Định Thị G, đã cho G mượn phiếu thu để thu phí nhưng không nộp về công ty, quá trình điều tra những đối tượng trên đều khai được cho G mượn phiếu thu để thu phí nhiều lần nhưng không biết việc sau khi thu phí xong G chiếm dụng không nộp về Công ty, do đó không có cơ sở để xem xét trách nhiệm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm U Việt Nam số tiền: 17.801.541đ còn thiếu.

Đối với những khoản phí bảo hiểm Công ty Bảo hiểm U Việt Nam từ chối chi trả cho 03 khách hàng, bị cáo phạm tội khi đang là đại lý của Công ty, với danh nghĩa đại lý cho công ty đi thu phí của các khách hàng, lợi dụng quan hệ đó bị cáo đã chiếm đoạt, sử dụng cho bản thân do đó khi bồi thường cần buộc bị cáo và công ty bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam phải liên đới bồi thường cho những người bị hại sau số tiền:

Ông Trần Văn B số tiền: 4.503.900đ là tiền phí bảo hiểm của năm 2012.

Chị Hoàng Thị T số tiền 15.427.000đ.

Chị Lương Thị Kim C số tiền: 3.513.200đ.

Đồng thời buộc Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam và bị cáo Đinh Thị G, cùng phải chịu nghĩa vụ về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của những khoản bồi thường này.

Đối với những khoản tiền bị cáo chiếm dụng của những người bị hại khác trong vụ án, Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam đã chi trả, quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện Công ty bảo hiểm U Việt Nam và những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác nhận các bên không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra vấn đề xem xét quyết định.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị G phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 1, Nghị quyết 144/2016/QH13; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc hướng dẫn áp dụng khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

- **Xử phạt:** Bị cáo Đinh Thị G 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn T tiếp tục quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 597 Bộ luật dân sự, Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Đinh Thị G phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam số tiền: 117.801.541đ (*một trăm mười bảy triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm bốn mươi một*

đồng) nhưng được trừ đi khoản tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả là 100.000.000đ, bị cáo còn phải hoàn trả: 17.801.541 đ (*mười bảy triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng*).

Buộc bị cáo và Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam phải liên đới bồi thường cho những người bị hại sau số tiền:

1. Ông Trần Văn B.

Trú tại: Xóm A, xã S, huyện D, tỉnh Thái Nguyên.

Số tiền: 4.503.900đ (*bốn triệu năm trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*).

2. Chị Hoàng Thị T.

Trú tại: Tổ 3 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng.

Số tiền: 15.427.000đ (*mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

3. Chị Lương Thị Kim C.

Trú tại: Tổ 4 thị trấn T, huyện Y, tỉnh Cao Bằng.

Số tiền: 3.513.200đ (*ba triệu năm trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo và nguyên đơn dân sự không chịu thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí:

Bị cáo Đinh Thị G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và 1.476.102đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước. Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ U Việt Nam phải chịu 586.102đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, những người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, những người bị hại có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án văn./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nông Hà Nam